

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS THANH BÌNH

CÔNG KHAI
Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

TT	Vị trí việc làm	Trình độ đào tạo	Số lượng người
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý (02 vị trí)		2
1	Hiệu trưởng	Thạc sĩ	1
2	Phó Hiệu trưởng	Đại học	1
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (02 vị trí)		20
1	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	15
2	Giáo viên THCS hạng III	Đại học	5
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung (01 vị trí)		1
1	Kế toán	Đại học	1
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (03 vị trí)		3
1	Y tế học đường	Trung cấp	1
2	Nhân viên Bảo vệ	Chưa qua đào tạo	1
3	Nhân viên Phục vụ	Trung cấp	1

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

STT	CBQL, GV	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp							
			Tốt	Tỷ lệ	Khá	Tỷ lệ	Trung bình	Tỷ lệ	Kém	Tỷ lệ
I	CBQL	2	2	100%	0		0		0	
1	Hiệu trưởng	1	1	100%						
2	P. Hiệu trưởng	1	1	100%						
II	Giáo viên	20	9	45%	11	55%	0		0	
1	Toán	3	3	100%						
2	Văn	3	2	66,7%	1	33,3%				
3	Tiếng anh	2			2	100%				
4	KHTN	4			4	100%				

5	Lịch sử - Địa lí	3	1	33,3%	2	66,7%				
6	Tin học	1	1	100%						
7	GDTC	1	1	100%						
8	Nghệ thuật	2	1	50%	1	50%				
9	Công Nghệ	1			1	100%				

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Hàng năm $22/22 = 100\%$ CBQL, GV tham gia và hoàn thành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019; số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

100% nhân viên KT, y tế, bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng trong hè nhằm nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ các hoạt động giáo dục tại nhà trường.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có tổng diện tích 4800 m²; diện tích bình quân tối thiểu cho 01 học sinh là 17,8 m² gần gấp đôi so với yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b1. Khối phòng hành chính quản trị

- Phòng Hiệu trưởng: Có diện tích 18 m² với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Phòng Phó Hiệu trưởng: Có diện tích 18 m² với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Văn phòng: có diện tích 48 m² có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

- Phòng bảo vệ: Có diện tích 12 m²; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: Có khu vệ sinh riêng biệt cho Nam và Nữ, đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường và có 01 chậu rửa tay. Cụ thể:

+ Phòng vệ sinh nam: Số lượng thiết bị: 01 chậu tiểu/05 GV, nhân viên và có 01 chậu xí/05 GV, nhân viên;

+ Phòng vệ sinh Nữ: Số lượng thiết bị: 01 chậu tiêu/21 GV, nhân viên và có 01 chậu xí/21 GV, nhân viên;

So với Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu phòng vệ sinh nam số lượng thiết bị tối thiểu đảm bảo; phòng vệ sinh nữ thiếu về số lượng thiết bị;

- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

b2. Khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập; Khối phụ trợ; Khu sân chơi, thể dục thể thao; Khối phục vụ sinh hoạt.

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng / số lượng tối thiểu	Tổng diện tích/ Tiêu chuẩn tối thiểu	Diện tích/học sinh so với Tiêu chuẩn tối thiểu	KL
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	08	48 m ² /45m ²	2,1 m ² /hs/1,50m ² /học sinh	Đảm bảo
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0/1	0m ² /60m ²	0 m ² /hs/ 2,25m ² /học sinh	Thiếu
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0/1	0 m ² /60m ²	0 m ² /hs/ 2,25m ² /học sinh	Thiếu
1.4	Phòng học bộ môn Công nghệ	0/1	0 m ² /60m ²	0 m ² /hs/ 2,25m ² /học sinh	Thiếu
1.5	Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	0/2	0 m ² /60m ²	0 m ² /hs/ 1,85m ² /học sinh	Thiếu
1.6	Phòng học bộ môn Tin học	1/1	48 m ² /60m ²	1,6 m ² /hs/ 1,85m ² /học sinh	Đáp ứng
1.7	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1/1	48 m ² /60m ²	1,6 m ² /hs/1,85m ² /học sinh	Đáp ứng
1.8	Phòng đa chức năng	0/1	0 m ² /60m ²	0 m ² /hs/1,50m ² /học sinh	Thiếu
1.9	Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	0/1	0 m ² /60m ²	0 m ² /hs/1,85 m ² /học sinh	Thiếu
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1/1	48 m ² /60m ²	0,27 m ² /hs /0,6 m ² /học sinh	Thiếu diện tích
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1/1	36 m ² /48 m ²		Thiếu diện tích
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0/1			Thiếu
2.4	Phòng Đoàn, Đội	1/1	12 m ²	0,04m ² /hs/0,03m ² /học sinh	Đảm bảo

2.5	Phòng truyền thống	1/1	48 m ² /48m ²		Đảm bảo
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1/1	48 m ²	1,85 m ² /người//1,2m ² /người	Đảm bảo
3.2	Phòng các tổ chuyên môn	0			Thiếu
3.3	Phòng y tế trường học	1/1	12 m ²		Đáp ứng
3.4	Nhà kho	1/1	36m ²		Đáp ứng
3.5	Khu để xe học sinh	02			Đáp ứng
3.6	Khu vệ sinh học sinh	12 phòng	06 phòng nam, 06 phòng nữ	06 chậu rửa	Đảm bảo vệ sinh
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0			-
3.8	Phòng giáo viên	0			-
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường		1200 m ²	1,5m ² /hs/1,5m ² /học sinh	Đảm bảo
4.2	Sân thể dục thể thao		350 m ³		Đảm bảo
4.3	Nhà đa năng	0			-

b3. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường;

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Khối	Thiết bị dạy học	Số lượng	So với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
6	Đã cấp thiết bị dạy học lớp 6 theo Thông tư 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020	1	0,5 bộ/ lớp	Đảm bảo
7	Đã cấp thiết bị dạy học lớp 7 theo Thông tư 38/2021/TT-BGD-ĐT ngày 30/12/2021	1	0,5 bộ/ lớp	Đảm bảo

8	Đã cấp thiết bị dạy học lớp 8 theo Thông tư 38/2021/TT-BGD-ĐT ngày 30/12/2021	1	0,5 bộ/ lớp	Đảm bảo
9	Đã cấp thiết bị dạy học lớp 9 theo Thông tư 38/2021/TT-BGD-ĐT ngày 30/12/2021	1	0,5 bộ/ lớp	Đảm bảo

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục.

+ Lớp 6 theo QĐ số 534/QĐ-UBND, ngày 13/4/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (có quyết định kèm theo).

+ Lớp 7 theo QĐ số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (có quyết định kèm theo).

+ Lớp 8 theo QĐ số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (có quyết định kèm theo).

+ Lớp 9 Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên; (Có Quyết định và danh mục SGK trang 23,24,25 kèm theo)

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Nhà trường duy trì đảm bảo số học sinh/lớp.

- Thực hiện điều tra, cập nhật thông tin và thu thập minh chứng của các đối tượng trong độ tuổi phổ cập, đặc biệt là đối tượng độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp để thực hiện PCGD THCS mức độ 3.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT. Thông tư Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn Quốc gia. Sau đánh giá xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.

Kết quả: Duy trì trường chuẩn Quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3.

Điện Biên Phủ, ngày 06 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Thanh Huyền

